

Bản án số: **208/2024/HS-PT**
Ngày: 21/5/2024

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI ĐÀ NẴNG**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: ông **Nguyễn Chí Công**

Các Thẩm phán: ông **Phạm Việt Cường** và ông **Trần Quốc Cường**

- Thư ký phiên tòa: ông **Phạm Minh Hoàng** – Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng tham gia phiên tòa: ông **Lê Ra** - Kiểm sát viên.

Ngày 21 tháng 5 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Trị, Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng mở phiên tòa xét xử công khai theo thủ tục phúc thẩm vụ án hình sự thụ lý số 147/2024/TLPT-HS ngày 01 tháng 3 năm 2024 đối với bị cáo Nguyễn Thị T và đồng phạm bị Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Trị xét xử sơ thẩm về các tội “*Mua bán trái phép chất ma túy*”, “*Tàng trữ trái phép chất ma túy*”, do có kháng cáo của các bị cáo đối với Bản án hình sự sơ thẩm số 05/2024/HS-ST ngày 19 tháng 01 năm 2024.

- Bị cáo có kháng cáo:

1. Nguyễn Thị T, sinh ngày 25 tháng 7 năm 1990, tại tỉnh Hà Nam; nơi đăng ký thường trú: số nhà F đường T, khóm T, thị trấn L, huyện H, tỉnh Quảng Trị; nơi ở hiện tại: thôn N, xã T, huyện H, tỉnh Quảng Trị; nghề nghiệp: buôn bán; trình độ văn hóa (học vấn): 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: nữ; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Thanh B, sinh năm 1962 (đã chết) và bà Nguyễn Thị K, sinh năm 1964; chồng: không có; có 03 con; tiền án, tiền sự: không; bị cáo bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 21/11/2022 cho đến nay, có mặt tại phiên tòa.

2. Lê Văn M, sinh ngày 09 tháng 5 năm 1977, tại tỉnh Quảng Trị; nơi cư trú: khu phố G, phường A, thành phố Đ, tỉnh Quảng Trị; nghề nghiệp: lái xe; trình độ văn hóa (học vấn): 06/12; dân tộc: Kinh; giới tính: nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Lê Văn T1, sinh năm 1955 và bà Hoàng Thị T2, sinh năm 1955 (đã chết); có vợ là Hồ Thị Kim O, sinh năm 1985 (đã ly hôn) và 01 con; tiền án, tiền sự: không; bị cáo bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 20/11/2022 cho đến nay, có mặt tại phiên tòa.

Nhân thân:

- Năm 2008, bị Tòa án nhân dân huyện Cam Lộ, tỉnh Quảng Trị xử phạt 18 tháng tù nhưng cho hưởng án treo về tội “Vi phạm quy định về điều khiển phương tiện giao thông đường bộ”.

- Năm 2015, bị Tòa án nhân dân thành phố Đông Hà, tỉnh Quảng Trị xử phạt 15 tháng tù giam về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”;

- Năm 2018, bị Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Linh, tỉnh Quảng Trị xử phạt 15 tháng tù giam về tội “Trộm cắp tài sản”.

3. Trần Văn B1, sinh ngày 02 tháng 4 năm 1987, tại tỉnh Quảng Trị; nơi cư trú: thôn T, xã T, huyện H, tỉnh Quảng Trị; nghề nghiệp: lao động tự do; trình độ văn hóa (học vấn): 09/12; dân tộc: Kinh; giới tính: nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Trần Văn N, sinh năm 1968 và bà Nguyễn Thị D, sinh năm 1966; có vợ là Nguyễn Thị L, sinh năm 1987 và 02 con; tiền án, tiền sự: không; bị cáo bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 20/11/2022 cho đến nay, có mặt tại phiên tòa.

*** Người bào chữa cho các bị cáo:**

- *Người bào chữa cho bị cáo Nguyễn Thị T:* Luật sư Lê Hồng S, thuộc Công ty L2 - Chi nhánh T5, có mặt tại phiên tòa.

- *Người bào chữa cho bị cáo Lê Văn M:* Luật sư Nguyễn Thị Khánh T3, thuộc Văn phòng L3 và Cộng sự; địa chỉ: đường L, thành phố Đ, tỉnh Quảng Trị, có đơn xin xét xử vắng mặt.

- *Người bào chữa cho bị cáo Trần Văn B1:* ông Hà Trung T4, Trợ giúp viên pháp lý - Trung tâm Trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh Q, có mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào lúc 19 giờ 00 phút ngày 20/11/2022, tại Km30 + 980 Quốc lộ I thuộc thôn T, xã C, huyện C, tỉnh Quảng Trị, Tổ công tác Phòng Cảnh sát điều tra tội phạm về ma túy thuộc Công an tỉnh Q phối hợp với các lực lượng chức năng tuần tra trên địa bàn phát hiện xe ô tô Biển kiểm soát 74A-173.11 đang lưu thông trên đường Quốc lộ 9 hướng huyện H đi thành phố Đ có biểu hiện nghi vấn nên ra tín hiệu dừng xe để kiểm tra. Quá trình kiểm tra xác định người ngồi tại vị trí ghế lái là Lê Văn M, người ngồi tại vị trí ghế phụ là Trần Văn B1. Tại sàn xe vị trí trước ghế phụ, ngay tại vị trí Bưu để chân phát hiện 01 túi xách da màu đen, Trần Văn B1 khai nhận bên trong có ma túy tổng hợp hồng phiến.

Quá trình điều tra các bị cáo khai nhận: từ khoảng đầu tháng 6 năm 2022, Nguyễn Thị T biết một người đàn ông tên L1 nhưng không rõ lai lịch, thường bán ma túy ở khu vực quán T6 không rõ tên ở thôn H, xã T, huyện H nên T đến hỏi mua ma túy thường gọi là hồng phiến để sử dụng. Đồng thời người này trao đổi với T có ai muốn mua ma túy thì nhờ T giới thiệu giúp và hứa sẽ bán lại cho T 01 “tầm” (khoảng 6.000 viên ma túy hồng phiến) với giá 55.000.000 đồng.

Sáng ngày 19/11/2023, T đến gặp L1 hỏi mua 03 viên ma túy hồng phiên để sử dụng thì người đàn ông này giới thiệu có gần 04 “tấm” ma túy loại ngon ai cần mua thì bán, T đồng ý và hẹn người này chiều 20/11/2022 về giao ma túy tại nhà của T. Vào lúc 00 giờ 07 phút ngày 20/11/2022, T nhắn tin từ số điện thoại 0975797555 của T đến số điện thoại 0916709555 của M bằng ứng dụng Apple Messenger với nội dung thông báo cho M có ma túy loại ngon, M muốn mua thì T đưa đến nhà cho M. Khoảng 14h43’ ngày 20/10/2022, M nhắn tin qua ứng dụng SMS bằng số điện thoại 0911077858 đến số điện thoại 0975797555 của T để hỏi mua ma túy thì T nhắn tin trả lời là có 04 “tấm” ma túy loại ngon hỏi M mua bao nhiêu để T đưa về. Ban đầu, M nói mua 01 “tấm” nhưng khi T nói ma túy loại ngon và chỉ cần trả tiền trước 01 “tấm”, số còn lại trong vòng 10 ngày trả tiền cho T thì M đồng ý và nhắn tin lại với nội dung “ok e”. Tiếp đó, T điện thoại cho Trần Văn B1 để thuê vận chuyển ma túy cho M thì B1 đồng ý. T chuyển khoản số tiền 4.000.000 đồng để trả trước tiền công cho B1. Khoảng 16 giờ cùng ngày, có một người đàn ông tới đưa 04 “tấm” ma túy cho T ở trước cổng nhà, T đưa vào nhà mở ra kiểm tra và cất giấu ở phòng ngủ của mình. Sau đó, T nhắn tin số điện thoại 0332860935 của B1 cho M, yêu cầu M tìm xe ô tô và liên lạc để chở B1 lên khu vực huyện Đ giao nhận ma túy. Sau khi thỏa thuận, M sử dụng tài khoản số 97709051977 chuyển số tiền 60.000.000 đồng vào tài khoản số 5550123499999 của T, còn T nhắn số điện thoại của M cho B1 và điện thoại yêu cầu B1 liên lạc với M để cùng đi nhận ma túy. Sau đó, M mượn xe ô tô biển kiểm soát 74A-173.11 của Hồ Tuấn A rồi liên lạc với B1 hẹn gặp nhau tại khu vực Nhà văn hóa trung tâm tỉnh Q để đi lên Đakrông. Trên đường đi, T nhắn tin cho B1 yêu cầu đến nhà T, tại xã T, huyện H. Tại đây, T đưa cho B1 01 (một) túi xách màu đen bên trong có 04 “tấm” ma túy, B1 nhận lấy và ra xe ô tô đi cùng với M về thành phố Đ. Khi lên xe, B1 đặt túi xách có chứa ma túy ở vị trí sàn xe phía trước ghế bên phụ xe ô tô 74A-173.11. Khi cả hai đi đến địa phận thôn T, xã C, huyện C, tỉnh Quảng Trị thì bị bắt quả tang.

Trên cơ sở lời khai của M và B1, ngày 21/11/2022, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh Q khám xét khẩn cấp chỗ ở của T thu giữ được 02 viên nén màu hồng tại phòng ngủ, T khai nhận cất giữ nhằm mục đích sử dụng.

Theo kết luận giám định số 1234/KL-PC09, ngày 24/11/2022 của Phòng K1 Công an tỉnh Q kết luận: các viên nén màu hồng trong thùng giấy niêm phong ký hiệu **MT** gửi giám định có tổng khối lượng là **2.388,72g** ma túy loại Methamphetamine; các viên nén màu xanh trong thùng giấy niêm phong ký hiệu MT gửi đến giám định có khối lượng 19,62g, không tìm thấy chất ma túy, tiền chất trong các viên nén này; 02 viên nén màu hồng trong phong bì giấy niêm phong ký hiệu **KX** gửi giám định có tổng khối lượng **0,1751g** là ma túy Methamphetamine.

- Bản giám định số 1269/KL-KTHS, ngày 30/11/2022 của Phòng K1 Công an tỉnh Q kết luận: trên bề mặt lớp ni lông (đánh số thứ tự A1) trong 09 lớp ni lông trong suốt mẫu gửi giám định có 02 dấu vết đường vân (ký hiệu: 1, 2) đủ yếu tố giám định, trong đó:

+ 01 dấu vết đường vân (ký hiệu 1) phát hiện trên bề mặt lớp ni lông (đánh số thứ tự A1) trong 09 lớp ni lông trong suốt gửi giám định không trùng với đường vân in trên các danh chỉ bản ghi tên: Lê Văn M, sinh ngày 09/5/1977, nơi ở hiện tại: khu phố G, Phường A, thành phố Đ, tỉnh Quảng Trị; Trần Văn B1, sinh ngày 02/4/1987, nơi ở hiện tại: thôn T, xã T, huyện H, tỉnh Quảng Trị; Nguyễn Thị T, sinh ngày 25/7/1990, nơi ở hiện tại: thôn N, xã T, huyện H, tỉnh Quảng Trị.

+ 01 dấu vết đường vân (ký hiệu 2) phát hiện trên bề mặt lớp ni lông (đánh số thứ tự A1) trong 09 lớp ni lông trong suốt gửi giám định với đường vân in ở ô Cái phải trên danh chỉ bản ghi tên Nguyễn Thị T, sinh ngày 25/7/1990, nơi ở hiện tại: thôn N, xã T, huyện H, tỉnh Quảng Trị là đường vân của cùng một người in ra.

Tại Bản án hình sự sơ thẩm số 05/2024/HS-ST ngày 19/01/2024, Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Trị quyết định:

Tuyên bố: bị cáo Nguyễn Thị T phạm các tội “*Mua bán trái phép chất ma túy*” và “*Tàng trữ trái phép chất ma túy*”.

Tuyên bố: bị cáo Lê Văn M và bị cáo Trần Văn B1 phạm tội “*Mua bán trái phép chất ma túy*”.

Áp dụng khoản 1 Điều 249; điểm b khoản 4 Điều 251; Điều 17, điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51, điểm d khoản 1 Điều 55, Điều 17, Điều 40 của Bộ luật Hình sự, xử phạt Nguyễn Thị T 12 tháng tù về tội “*Tàng trữ trái phép chất ma túy*” và Tử hình về tội “*Mua bán trái phép chất ma túy*”, tổng hợp hình phạt buộc Nguyễn Thị T phải chấp hành hình phạt chung của cả hai tội là Tử hình.

Áp dụng điểm b khoản 4 Điều 251; Điều 17, điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 40 của Bộ luật Hình sự, xử phạt Lê Văn M Tử hình.

Áp dụng điểm b khoản 4 Điều 251; Điều 17, điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 40 của Bộ luật Hình sự, xử phạt Trần Văn B1 Tử hình.

Ngoài ra, Bản án sơ thẩm còn quyết định về xử lý vật chứng, án phí và thông báo quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Ngày 23/01/2024, Nguyễn Thị T kháng cáo xin giảm hình phạt xuống Tù chung thân.

Ngày 24/01/2024, Lê Văn M và Trần Văn B1 kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Bị cáo Lê Văn M rút toàn bộ kháng cáo, các bị cáo T, B1 đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm sửa bản án sơ thẩm, giảm hình phạt cho các bị cáo với lý do mức án mà Tòa án cấp sơ thẩm xử phạt là quá nặng.

Người bào chữa cho các bị cáo đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng nguyên tắc nhân đạo để giảm cho các bị cáo một phần hình phạt.

Kiểm sát viên của Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng thực hành quyền công tố, kiểm sát xét xử phát biểu quan điểm đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm không chấp nhận kháng cáo của các bị cáo Nguyễn Thị T và Trần Văn B1, giữ nguyên Bản án hình sự sơ thẩm số 05/2024/HS-ST ngày 19/01/2024 của Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Trị; đình chỉ xét xử phúc thẩm đối với Lê Văn M.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1]. Về thủ tục tố tụng:

Ngày 23 và 24/01/2024, Nguyễn Thị T kháng cáo xin giảm hình phạt từ Tử hình xuống Tù chung thân; các bị cáo Lê Văn M, Trần Văn B1 xin giảm hình phạt. Đơn kháng cáo của các bị cáo có xác nhận của Giám thị Trại tạm giam thuộc Công an tỉnh Q. Theo quy định tại khoản 1 và điểm b khoản 3 Điều 333 của Bộ luật Tố tụng hình sự thì các bị cáo kháng cáo trong thời hạn luật định, được xem xét theo thủ tục phúc thẩm.

Tại phiên tòa phúc thẩm, bị cáo Lê Văn M tự nguyện rút đơn kháng cáo nên theo đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng, Hội đồng xét xử phúc thẩm quyết định đình chỉ xét xử phúc thẩm đối với bị cáo.

[2]. Xét nội dung kháng cáo:

[2.1]. Về tội danh:

Ngày 20/11/2022, Nguyễn Thị T liên hệ bán cho Lê Văn M 4 tấm ma túy với giá 60 triệu đồng/tấm có tổng khối lượng **2.388,72g** loại Methamphetamine; phương thức thanh toán trả trước tiền 1 tấm, số còn lại trả trong thời hạn 10 ngày thì M đồng ý rồi chuyển cho T số tiền 60.000.000 đồng. T thuê Trần Văn B1 với giá 4.000.000 đồng để vận chuyển ma túy cho M thì B1 đồng ý. Bữa điều khiển xe ô tô biển kiểm soát 74A-173.11 chở M đến nhà T nhận ma túy, trên đường về, khi đi đến địa phận tại Km30 + 980 Quốc lộ I thôn T, xã C, huyện C, tỉnh Quảng Trị thì bị bắt quả tang. Khám xét tại phòng ngủ của T, Cơ quan điều tra thu giữ được 02 viên nén màu hồng khối lượng **0,1751g** là ma túy Methamphetamine.

Do đó, Tòa án cấp sơ thẩm kết án Nguyễn Thị T về các tội “*Mua bán trái phép chất ma túy*” theo quy định tại điểm b khoản 4 Điều 251 của Bộ luật Hình sự và tội “*Tàng trữ trái phép chất ma túy*” theo quy định tại điểm c khoản 1 Điều 249 của Bộ luật Hình sự; kết án Trần Văn B1 về tội “*Mua bán trái phép chất ma túy*” quy định tại điểm b khoản 4 Điều 251 của Bộ luật Hình sự là có căn cứ, đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

[2.2]. Về hình phạt:

Bị cáo Nguyễn Thị T là người có đầy đủ năng lực trách nhiệm hình sự, nhận thức được rằng chất ma túy là các chất gây nghiện, chất hướng thần được quy định trong các danh mục do Chính phủ ban hành do Nhà nước độc quyền quản lý, nhưng vì vụ lợi bị cáo đã mua đi bán lại để kiếm lợi nhuận; bị cáo Trần Văn B1 biết bị cáo T bán ma túy cho Lê Văn M nhưng vẫn đồng ý chở thuê ma

túy cho M nên bị cáo B1 cũng phải cùng chịu trách nhiệm hình sự với T về tội “Mua bán trái phép chất ma túy” với vai trò đồng phạm tích cực. Hành vi phạm tội của các bị cáo là đặc biệt nghiêm trọng, khối lượng ma túy các bị cáo vi phạm trong vụ án này là rất lớn. Vì vậy, cần xử phạt các bị cáo mức án thật nghiêm khắc cách ly các bị cáo vĩnh viễn ra khỏi đời sống xã hội mới đảm bảo được tính răn đe, cũng như công tác đấu tranh phòng chống loại tội phạm về ma túy ngày càng gia tăng về số vụ việc cũng như khối lượng ma túy giao dịch ngày càng lớn tại các khu vực biên giới, nhất là địa bàn tỉnh Quảng Trị.

Quá trình giải quyết vụ án, các bị cáo tỏ ra thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; hoàn cảnh gia đình các bị cáo đều khó khăn, gia đình bị cáo B1 thuộc hộ cận nghèo; bị cáo T có 03 con đều chưa thành niên. Tuy nhiên, khối lượng ma túy các bị cáo phạm tội là rất lớn; riêng bị cáo T ngoài hành vi mua bán trái phép chất ma túy, bị cáo còn tàng trữ trái phép ma túy để sử dụng. Hành vi phạm tội của các bị cáo là đặc biệt nghiêm trọng. Sau khi đánh giá tính chất, mức độ hành vi phạm tội, nhân thân, các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, Tòa án cấp sơ thẩm xử phạt cả hai bị cáo Tử hình về tội “Mua bán trái phép chất ma túy” là đảm bảo tính nghiêm minh, đúng pháp luật. Tại phiên tòa phúc thẩm, ông Trần Văn N là cha ruột bị cáo B1 có đơn trình bày gia đình bị cáo có công với N1. Tuy đây là tình tiết giảm nhẹ mới theo khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự nhưng không đáng kể so với tính chất, mức độ nguy hiểm của hành vi phạm tội. Đối với bị cáo T kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt nhưng không có thêm tình tiết giảm nhẹ nào mới. Do đó, Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của các bị cáo, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

[3]. Về án phí hình sự phúc thẩm:

Bị cáo Lê Văn M rút kháng cáo nên không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

Do kháng cáo không được chấp nhận nên các bị cáo Nguyễn Thị T, Trần Văn B1 phải chịu án phí hình sự phúc thẩm theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

[4]. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, không bị kháng nghị, Hội đồng xét xử phúc thẩm không xét.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ điểm đ khoản 1 Điều 355 của Bộ luật Tố tụng hình sự; đình chỉ xét xử phúc thẩm vụ án hình sự thụ lý số 147/2024/TLPT-HS ngày 01/3/2024, đối với bị cáo Lê Văn M phạm tội “*Mua bán trái phép chất ma túy*”. Bản án hình sự sơ thẩm số 05/2024/HS-ST ngày 19/01/2024 của Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Trị về phần hình phạt đối với bị cáo Lê Văn M có hiệu lực pháp luật kể từ ngày đình chỉ xét xử phúc thẩm.

2. Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 355, Điều 356 của Bộ luật Tố tụng hình sự, không chấp nhận kháng cáo của bị cáo Nguyễn Thị T, Trần Văn B1, giữ nguyên

Bản án hình sự sơ thẩm số 05/2024/HS-ST ngày 19/01/2024 của Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Trị.

2.1. Áp dụng điểm b khoản 4 Điều 251; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 40 của Bộ luật Hình sự, xử phạt Nguyễn Thị T **Tử hình** về tội “*Mua bán trái phép chất ma túy*”.

Áp dụng khoản 1 Điều 249; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 38 của Bộ luật Hình sự, xử phạt Nguyễn Thị T 12 tháng tù về tội “*Tàng trữ trái phép chất ma túy*”.

Áp dụng điểm d khoản 1 Điều 55 của Bộ luật Hình sự, tổng hợp hình phạt chung của hai tội buộc bị cáo Nguyễn Thị T phải chấp hành là **Tử hình**.

2.2. Áp dụng điểm b khoản 4 Điều 251; Điều 17, điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 40 của Bộ luật Hình sự, xử phạt Trần Văn B1 **Tử hình** về tội “*Mua bán trái phép chất ma túy*”.

2.3. Áp dụng điểm d khoản 1 Điều 367 của Bộ luật Tố tụng hình sự.

Trong thời hạn 07 ngày kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật, các bị cáo được gửi đơn xin ân giảm lên Chủ tịch N2.

Tiếp tục tạm giam các bị cáo Nguyễn Thị T, Lê Văn M, Trần Văn B1 để bảo đảm thi hành án.

3. Về án phí hình sự phúc thẩm: căn cứ Điều 135, Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự; áp dụng các điểm b, g khoản 2 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Bị cáo Lê Văn M không phải nộp án phí hình sự phúc thẩm.

Buộc Nguyễn Thị T, Trần Văn B1 mỗi bị cáo phải nộp 200.000 (hai trăm nghìn) đồng án phí hình sự phúc thẩm.

4. Các quyết định khác của bản án hình sự sơ thẩm không bị kháng cáo, không bị kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án hình sự phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- Chánh án Tòa án nhân dân tối cao (kèm hồ sơ vụ án);
- Viện trưởng VKSND tối cao;
- VKSND cấp cao tại Đà Nẵng;
- TAND tỉnh Quảng Trị;
- Sở Tư pháp tỉnh Quảng Trị;
- Cục THADS tỉnh Quảng Trị;
- Cơ quan CSĐT - Công an tỉnh Quảng Trị;
- Phòng HSNV - Công an tỉnh Quảng Trị;
- Cơ quan CSTHAHS - CA tỉnh Quảng Trị;
- Người tham gia tố tụng (theo địa chỉ);
- Lưu HSVA, PHCTP, LT.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Nguyễn Chí Công